

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 11 - 2020

“Về việc ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Văn Sol

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020. Về việc “Ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích Ng, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: 96/29, Lý Thường Kiệt, khóm 5, phường 7, tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Nhà Thính A, xã Đông Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01/7/2020 và các lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Ng trình bày:

Về hôn nhân: Chị Ng và anh T kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 01/12/2011 tại UBND xã Đông Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau. Chị Ng và anh T sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2019 thì vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp nhau thường bất đồng quan điểm. Chị Ng và anh T ly thân từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay. Chị Ng xét thấy vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Ng trình bày vợ chồng chung sống có 02 con chung tên là Trần Nguyễn Như Ngọc, sinh năm 2013 và Trần Nguyễn Khánh Ngọc, sinh năm

2016. Hiện nay con đang sống chung với chị Ng. Sau khi ly hôn chị Ng yêu cầu tiếp tục được nuôi 02 con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Ng trình bày vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Ng trình bày vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với anh Trần Văn T, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho anh T biết về nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 19/8/2020 nhưng anh T không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập họp lệ anh T để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh T không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị Ng. Tòa án triệu tập xét xử họp lệ lần thứ hai anh T vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Trần Văn T có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Nguyễn Thị Bích Ng khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Văn T và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, con chung” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh T kết hôn ngày 01/12/2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, chị Ng và anh T không còn chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay. Đối với anh T, Tòa án đã triệu tập họp lệ hòa giải và triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt không lý do, đồng thời anh T cũng không có văn bản về ý kiến của mình gửi đến Tòa án chứng tỏ anh T đồng ý với yêu cầu của chị Ng. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Ng và anh T đã ly thân từ tháng 12 năm 2019 đến nay tuy thời gian không dài nhưng anh T không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ, chứng tỏ mâu thuẫn của

anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ng được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Ng trình bày vợ chồng chung sống có 02 con chung tên là Trần Nguyễn Như Ngọc, sinh năm 2013 và Trần Nguyễn Khánh Ngọc, sinh năm 2016. Hiện nay con đang sống chung với chị Ng. Sau khi ly hôn chị Ng yêu cầu tiếp tục được nuôi 02 con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh T, Tòa án tổng đạt thông báo hòa giải đến lần thứ hai và triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng anh T không có mặt. Do đó, Tòa án không làm việc với anh T được về việc yêu cầu nuôi con. Xét thấy 02 cháu Như Ngọc và Khánh Ngọc đã sống chung với chị Ng từ nhỏ, ổn định cuộc sống, tinh thần nên tiếp tục giao 02 cháu Như Ngọc và Khánh Ngọc cho chị Ng nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T là cha của 02 cháu Như Ngọc và Khánh Ngọc vẫn có quyền được thăm nom con mà không ai được phép ngăn cản.

[4] Về tài sản chung: Chị Ng trình vợ chồng không có tài sản chung, anh T không ý kiến gì nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Ng trình vợ chồng không có không nợ chung, anh T không ý kiến gì nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ng phải chòu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 09, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:02 v

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bích Ng được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Bích Ng tiếp tục nuôi 02 con chung tên là Trần Nguyễn Như Ngọc, sinh năm 2013 và Trần Nguyễn Khánh Ngọc, sinh năm 2016.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Ng phải chịu án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng), chị Ng có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005528 ngày 06/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C được chuyển thu. Anh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh T được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Dương sự;
- UBND xã Đông Hưng;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính